

**CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP THOÁT NƯỚC BÌNH PHƯỚC**  
**BÁO CÁO TÀI CHÍNH ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN**  
**CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31/12/2025**

---

*Tháng 03 năm 2026*

MỤC LỤC

NỘI DUNG	TRANG
BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC	2 - 3
BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP	4 - 5
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN	6 - 7
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH	8
BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ	9 - 10
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH	11 - 36

## **BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC**

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Cấp thoát nước Bình Phước (sau đây được gọi là “Công ty”) đệ trình Báo cáo này cùng với Báo cáo tài chính đã được kiểm toán cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025.

### **HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC**

Các thành viên Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát và Ban Tổng Giám đốc đã điều hành Công ty trong năm 2025 và đến ngày lập Báo cáo này gồm:

#### **Hội đồng Quản trị**

Ông Lê Văn Luyện	Chủ tịch	Bổ nhiệm ngày 18/12/2025
Ông Hoàng Minh Hùng	Chủ tịch	Miễn nhiệm ngày 18/12/2025
	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 18/12/2025
Ông Trịnh Đức Hoàng	Thành viên	
Bà Hồ Thị Lan Chi	Thành viên	
Bà Phạm Thị Loan	Thành viên	

#### **Ban Tổng giám đốc**

Bà Phạm Thị Loan	Tổng Giám đốc	Bổ nhiệm ngày 05/01/2026
	Phó Tổng Giám đốc	Miễn nhiệm ngày 05/01/2026
Ông Lê Văn Luyện	Tổng Giám đốc	Miễn nhiệm ngày 05/01/2025

#### **Ban Kiểm soát**

Bà Lương Thị Hương	Trưởng ban
Ông Lê Nhân	Thành viên
Ông Trương Thế Quân	Thành viên

#### **Kế toán trưởng**

Kế toán trưởng của Công ty trong giai đoạn từ ngày 01/01/2025 đến ngày lập Báo cáo này là Bà Trương Thị Tố Nga.

### **ĐẠI DIỆN PHÁP LUẬT**

Người đại diện theo pháp luật của Công ty trong giai đoạn từ ngày 01/01/2025 đến 31/12/2025 là Ông Lê Văn Luyện – Tổng Giám đốc (chức danh từ ngày 01/01/2025 đến ngày 04/01/2026) và đồng thời là Chủ tịch HĐQT (chức danh từ ngày 18/12/2025). Từ thời điểm 05/01/2026 đến thời điểm lập Báo cáo này, người đại diện theo pháp luật là Ông Lê Văn Luyện - Chủ tịch HĐQT và Bà Phạm Thị Loan - Tổng Giám đốc.

### **CÁC SỰ KIỆN PHÁT SINH SAU NGÀY KẾT THÚC NĂM TÀI CHÍNH**

Ngoài sự kiện nêu tại thuyết minh số 32.4, Ban Tổng Giám đốc Công ty khẳng định rằng không có sự kiện nào phát sinh sau ngày kết thúc năm tài chính có ảnh hưởng trọng yếu, yêu cầu phải điều chỉnh hoặc công bố trong Báo cáo tài chính kèm theo.

**BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (TIẾP)**

**KIỂM TOÁN VIÊN**

Báo cáo tài chính kèm theo được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn UHY.

**TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC**

Ban Tổng Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025 phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong năm, phù hợp với Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính. Trong việc lập Báo cáo tài chính này, Ban Tổng Giám đốc được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các phán đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các nguyên tắc kế toán thích hợp có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong Báo cáo tài chính hay không;
- Lập Báo cáo tài chính trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh; và
- Thiết kế và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu cho mục đích lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp lý nhằm hạn chế rủi ro và gian lận.

Ban Tổng Giám đốc xác nhận rằng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo rằng sổ sách kế toán được ghi chép một cách phù hợp để phản ánh hợp lý tình hình tài chính của Công ty ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính tuân thủ các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính. Ngoài ra, Ban Tổng Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Công ty và vì vậy thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

**PHÊ DUYỆT BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Ban Tổng Giám đốc phê duyệt Báo cáo tài chính đính kèm. Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31/12/2025, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và các luồng lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2025, phù hợp với các Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

Thay mặt và đại diện cho Ban Tổng Giám đốc,



**Phạm Thị Loan**  
**Tổng Giám đốc**

Đồng Nai, ngày 05 tháng 03 năm 2026

Số: 125/2026/UHY-BCKT

## **BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP**

Về Báo cáo tài chính của Công ty Cổ phần Cấp thoát nước Bình Phước  
cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

**Kính gửi: Các Cổ đông, Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc  
Công ty Cổ phần Cấp thoát nước Bình Phước**

Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán Báo cáo tài chính của Công ty Cổ phần Cấp thoát nước Bình Phước (sau đây gọi tắt là “Công ty”) được lập ngày 05 tháng 03 năm 2026, từ trang 06 đến trang 36 kèm theo, bao gồm: Bảng cân đối kế toán tại ngày 31/12/2025, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2025 và Bản Thuyết minh Báo cáo tài chính kèm theo.

### **Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc**

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính của Công ty theo Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

### **Trách nhiệm của Kiểm toán viên**

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về Báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các Chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu Báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên Báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong Báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể Báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

### **Ý kiến của Kiểm toán viên**

Theo ý kiến của chúng tôi, Báo cáo tài chính kèm theo đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Cấp thoát nước Bình Phước tại ngày 31/12/2025 cũng như kết quả kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

## BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP (TIẾP)

### Vấn đề khác

Báo cáo tài chính của Công ty Cổ phần Cấp thoát nước Bình Phước cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2024 đã được kiểm toán bởi Kiểm toán viên và Doanh nghiệp kiểm toán khác. Kiểm toán viên này đã đưa ra ý kiến chấp nhận toàn phần đối với báo cáo tài chính này tại ngày 04/03/2025.



**Lê Quang Nghĩa**  
**Phó Tổng Giám đốc**  
Giấy CNĐKHNKT số: 3660-2026-112-1  
*Thay mặt và đại diện cho*  
**CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN VÀ TƯ VẤN UHY**  
*Hà Nội, ngày 05 tháng 03 năm 2026*

**Nguyễn Thị Thu Hà**  
**Kiểm toán viên**  
Giấy CNĐKHNKT số: 2277-2023-112-1

Mẫu số B01 - DN

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**  
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2025

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2025	01/01/2025
			VND	VND
<b>TÀI SẢN NGẮN HẠN</b>	<b>100</b>		<b>196.129.385.441</b>	<b>66.047.711.009</b>
Tiền và các khoản tương đương tiền	110	4	33.913.498.103	17.646.253.889
Tiền	111		1.101.498.103	1.146.253.889
Các khoản tương đương tiền	112		32.812.000.000	16.500.000.000
Đầu tư tài chính ngắn hạn	120	5	116.000.000.000	-
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123		116.000.000.000	-
Các khoản phải thu ngắn hạn	130		16.057.897.174	14.597.438.194
Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	8	3.948.738.277	4.556.149.522
Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	6	12.232.320.792	10.580.085.372
Phải thu ngắn hạn khác	136	7	2.775.476.248	1.742.601.764
Dự phòng các khoản phải thu ngắn hạn khó đòi	137	8	(2.898.638.143)	(2.281.398.464)
Hàng tồn kho	140	9	8.526.125.691	9.277.685.162
Hàng tồn kho	141		8.526.125.691	9.277.685.162
Tài sản ngắn hạn khác	150		21.631.864.473	24.526.333.764
Chi phí trả trước ngắn hạn	151	13	139.931.844	103.735.740
Thuế GTGT được khấu trừ	152		21.454.597.694	24.382.556.143
Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153	17	37.334.935	40.041.881
<b>TÀI SẢN DÀI HẠN</b>	<b>200</b>		<b>748.809.107.861</b>	<b>760.207.197.883</b>
Các khoản phải thu dài hạn	210		175.751.500	82.343.223
Phải thu dài hạn khác	216	7	175.751.500	82.343.223
Tài sản cố định	220		316.868.822.421	334.029.286.993
Tài sản cố định hữu hình	221	10	314.429.877.490	331.912.268.932
- Nguyên giá	222		670.038.889.907	653.749.290.016
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(355.609.012.417)	(321.837.021.084)
Tài sản cố định thuê tài chính	224	12	1.519.010.024	922.083.162
- Nguyên giá	225		2.033.750.000	969.100.000
- Giá trị hao mòn lũy kế	226		(514.739.976)	(47.016.838)
Tài sản cố định vô hình	227	11	919.934.907	1.194.934.899
- Nguyên giá	228		6.095.720.070	6.095.720.070
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(5.175.785.163)	(4.900.785.171)
Tài sản dở dang dài hạn	240		16.178.411.697	11.350.803.794
Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242	14	16.178.411.697	11.350.803.794
Đầu tư tài chính dài hạn	250	15	406.533.482.236	406.533.482.236
Đầu tư vào công ty con	251		20.922.550.000	20.922.550.000
Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	252		357.470.000.000	357.470.000.000
Đầu tư góp vốn vào các đơn vị khác	253		28.140.932.236	28.140.932.236
Tài sản dài hạn khác	260		9.052.640.007	8.211.281.637
Chi phí trả trước dài hạn	261	13	9.052.640.007	8.211.281.637
<b>TỔNG TÀI SẢN</b>	<b>270</b>		<b>944.938.493.302</b>	<b>826.254.908.892</b>

Mẫu số B01 - DN

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (TIẾP)**  
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2025

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2025	01/01/2025
			VND	VND
<b>NỢ PHẢI TRẢ</b>	<b>300</b>		<b>601.657.575.238</b>	<b>627.674.171.136</b>
<b>Nợ ngắn hạn</b>	<b>310</b>		<b>66.761.163.773</b>	<b>72.137.743.198</b>
Phải trả người bán ngắn hạn	311	16	14.687.180.236	21.337.557.719
Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312		594.569.471	940.713.389
Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	17	1.364.162.582	4.344.460.328
Phải trả người lao động	314		4.790.899.207	3.995.286.454
Chi phí phải trả ngắn hạn	315	19	3.665.735.538	4.786.201.824
Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	318		136.363.637	136.363.637
Phải trả ngắn hạn khác	319	20	252.118.332	159.341.384
Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	18	41.270.134.770	36.437.569.121
Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322		-	249.342
<b>Nợ dài hạn</b>	<b>330</b>		<b>534.896.411.465</b>	<b>555.536.427.938</b>
Phải trả người bán dài hạn	331	16	437.721.966	1.749.993.966
Phải trả dài hạn khác	337	20	109.271.882.401	108.929.882.401
Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338	18	425.186.807.098	444.856.551.571
<b>VỐN CHỦ SỞ HỮU</b>	<b>400</b>	<b>21</b>	<b>343.280.918.064</b>	<b>198.580.737.756</b>
<b>Vốn chủ sở hữu</b>	<b>410</b>		<b>343.280.918.064</b>	<b>198.580.737.756</b>
Vốn góp của chủ sở hữu	411		232.326.360.000	132.038.580.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		232.326.360.000	132.038.580.000
Thặng dư vốn cổ phần	412		50.143.890.000	-
Quỹ đầu tư phát triển	418		27.860.000.571	27.860.000.571
Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		32.950.667.493	38.682.157.185
- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối năm trước	421a		25.478.299.185	13.203.858.000
- LNST chưa phân phối năm nay	421b		7.472.368.308	25.478.299.185
<b>TỔNG NGUỒN VỐN</b>	<b>440</b>		<b>944.938.493.302</b>	<b>826.254.908.892</b>



Phạm Thị Loan  
Tổng Giám đốc  
Đồng Nai, ngày 05 tháng 03 năm 2026

Trương Thị Tố Nga  
Kế toán trưởng

Trần Thị Lôi  
Người lập biểu

Mẫu số B02 - DN

**BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Năm 2025 VND	Năm 2024 VND
Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	22	151.136.002.512	138.167.365.339
Các khoản giảm trừ doanh thu	02		19.110.288	53.212.479
Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ	10		151.116.892.224	138.114.152.860
Giá vốn hàng bán	11	23	72.726.278.613	70.683.717.162
Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		78.390.613.611	67.430.435.698
Doanh thu hoạt động tài chính	21	24	2.677.948.124	11.741.643.268
Chi phí tài chính	22	25	44.463.318.794	22.590.469.145
<i>Trong đó: Chi phí lãi vay</i>	23		44.463.318.794	21.994.130.397
Chi phí bán hàng	25	26	11.582.477.336	11.331.106.373
Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	27	17.620.471.059	16.917.334.716
Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		7.402.294.546	28.333.168.732
Thu nhập khác	31	28	1.312.739.438	1.254.501.736
Chi phí khác	32	29	611.931.152	492.135.921
Lợi nhuận khác	40		700.808.286	762.365.815
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		8.103.102.832	29.095.534.547
Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	31	630.734.524	3.617.235.362
Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52		-	-
Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		7.472.368.308	25.478.299.185



Phạm Thị Loan  
Tổng Giám đốc

Đồng Nai, ngày 05 tháng 03 năm 2026

Trương Thị Tố Nga  
Kế toán trưởng

Trần Thị Lôi  
Người lập biểu

Mẫu số B03 – DN

**BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ**  
(Theo phương pháp gián tiếp)  
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

Chi tiêu	Mã Thuyết số minh	31/12/2025	01/01/2025
		VND	VND
<b>Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh</b>			
Lợi nhuận trước thuế	01	8.103.102.832	29.095.534.547
<b>Điều chỉnh cho các khoản</b>			
Khấu hao TSCĐ và BĐSĐT	02	34.514.714.463	31.054.602.819
Các khoản dự phòng	03	617.239.679	859.240.175
(Lãi) hoạt động đầu tư	05	(2.677.948.124)	(11.830.390.863)
Chi phí lãi vay	06	44.463.318.794	22.477.408.183
<b>Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động</b>	<b>08</b>	<b>85.020.427.644</b>	<b>71.656.394.861</b>
Tăng, giảm các khoản phải thu	09	507.695.365	(2.625.273.620)
Tăng, giảm hàng tồn kho	10	751.559.471	(1.578.836.745)
Tăng, giảm các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)	11	(7.548.818.839)	107.420.704.539
Tăng, giảm chi phí trả trước	12	(877.554.474)	660.476.743
Tiền lãi vay đã trả	14	(44.252.151.321)	(23.277.267.809)
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15	(3.669.437.207)	(3.193.829.012)
Tiền chi khác từ hoạt động kinh doanh	17	(249.342)	-
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh</b>	<b>20</b>	<b>29.931.471.297</b>	<b>149.062.368.957</b>
<b>Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư</b>			
Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21	(22.977.357.427)	(32.727.591.642)
Tiền thu thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	22	-	210.000.000
Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23	(116.000.000.000)	-
Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24	-	22.000.000.000
Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25	-	(357.470.000.000)
Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị	26	-	62.231.283.194
Tiền thu lãi vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	2.929.811.218	9.578.764.497
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư</b>	<b>30</b>	<b>(136.047.546.209)</b>	<b>(296.177.543.951)</b>

Mẫu số B03 – DN

**BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ (TIẾP)**  
*(Theo phương pháp gián tiếp)*  
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	31/12/2025	01/01/2025
			VND	VND
<b>Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính</b>				
Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu	31		150.431.670.000	-
Tiền thu từ đi vay	33		37.447.263.955	276.092.603.571
Tiền trả nợ gốc vay	34		(51.880.071.224)	(104.895.570.011)
Tiền chi trả nợ gốc thuê tài chính	35		(404.371.555)	(50.368.971)
Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36		(13.211.172.050)	(13.149.897.050)
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính</b>	<b>40</b>		<b>122.383.319.126</b>	<b>157.996.767.539</b>
<b>Lưu chuyển tiền thuần trong năm</b>				
Tiền và tương đương tiền đầu năm	60	4	17.646.253.889	6.764.661.344
Tiền và tương đương tiền cuối năm	70	4	33.913.498.103	17.646.253.889



*Phạm Thị Loan*  
Phạm Thị Loan  
Tổng Giám đốc

Đồng Nai, ngày 05 tháng 03 năm 2026

*Trương Thị Tô Nga*  
Trương Thị Tô Nga  
Kế toán trưởng

*Trần Thị Lôi*  
Trần Thị Lôi  
Người lập biểu

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)

Mẫu số B09 - DN

**1. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP**

**1.1 HÌNH THỨC SỞ HỮU VỐN**

Công ty Cổ phần Cấp thoát nước Bình Phước (sau đây gọi tắt là “Công ty”), trước đây là doanh nghiệp được cổ phần hóa từ Doanh nghiệp Nhà nước – Công ty TNHH MTV Cấp thoát nước Bình Phước theo Quyết định số 2851/QĐ-UBND ngày 24 tháng 12 năm 2008 của Ủy ban nhân dân tỉnh Bình Phước.

Công ty đã thực hiện cổ phần hóa doanh nghiệp Nhà nước theo Quyết định số 774/QĐ-UBND ngày 23/04/2012 của UBND Tỉnh phê duyệt lộ trình sắp xếp doanh nghiệp 100% vốn nhà nước thuộc UBND Tỉnh Bình Phước và Quyết định số 2714/QĐ-UBND ngày 16/12/2014 của UBND Tỉnh Bình Phước phê duyệt đề án tái cơ cấu của Công ty TNHH MTV Cấp thoát nước Bình Phước giai đoạn 2014 – 2015. Công ty hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 3800228182 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Bình Phước cấp lần đầu ngày 30 tháng 12 năm 2008, đăng ký thay đổi lần thứ 19 ngày 25 tháng 02 năm 2026.

Trụ sở chính của Công ty được đặt tại: Số 216 Nguyễn Văn Linh, khu phố Phú Tân, phường Bình Phước, tỉnh Đồng Nai.

Vốn điều lệ của Công ty theo đăng ký kinh doanh mới nhất tại ngày 25/02/2026 là 232.680.060.000 đồng, tương đương 23.268.006 cổ phần, mệnh giá là 10.000 đồng/cổ phần.

Tổng số nhân viên Công ty tại ngày 31/12/2025 là 96 người (tại 31/12/2024 là 99 người).

**1.2 LĨNH VỰC VÀ NGÀNH NGHỀ KINH DOANH**

Các hoạt động chính trong kỳ kế toán của Công ty bao gồm:

- Khai thác xử lý, cung cấp nước sạch phục vụ cho sinh hoạt và kinh doanh; khoan thăm dò và khai thác nước ngầm; sản xuất, kinh doanh nước tinh khiết;
- Thi công xây lắp sửa chữa công trình cấp thoát và dân dụng;
- Tư vấn, khảo sát, thiết kế, lập dự án, dự toán, đầu tư xây dựng công trình cấp thoát nước và dân dụng, giám sát kỹ thuật các công trình cấp thoát nước và dân dụng; và
- Kinh doanh vật tư và các dịch vụ chuyên ngành cấp thoát nước.

**1.3 CHU KỲ KINH DOANH THÔNG THƯỜNG**

Công ty có chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường không quá 12 tháng.

**1.4 CẤU TRÚC DOANH NGHIỆP**

Tại ngày 31/12/2025, Công ty có các Công ty con và Công ty liên kết như sau:

STT	Tên công ty	Ngày năm quyền kiểm soát đáng kể	Nơi thành lập	Tỷ lệ lời ích (%)	Tỷ lệ quyền biểu quyết (%)	Ngành nghề chính
<b>Công ty con</b>						
1	Công ty Cổ phần Đầu tư nước Bình An	25/08/2023	Lâm Đồng	79,33%	79,33%	Sản xuất và cung cấp nước sạch
<b>Công ty liên kết</b>						
2	Công ty TNHH Nước thô DNP - Sông Tiền	30/12/2024	Đồng Tháp	48,99%	48,99%	Sản xuất và cung cấp nước sạch
3	Công ty TNHH Đầu tư Hạ tầng nước DNP - Bắc Giang	30/12/2024	Bắc Ninh	45,06%	45,06%	Sản xuất và cung cấp nước sạch

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)**

*(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)*

**1. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP (TIẾP)**

**1.5 TUYÊN BỐ VỀ KHẢ NĂNG SO SÁNH THÔNG TIN TRÊN BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Số liệu so sánh trên Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2025 là số liệu trên Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2024 đã được kiểm toán và hoàn toàn có thể so sánh được.

**2. CHUẨN MỤC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG**

**2.1 CHUẨN MỤC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG**

Công ty áp dụng các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính hướng dẫn Chế độ kế toán doanh nghiệp và Thông tư số 53/2016/TT-BTC ngày 21/03/2016 của Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 200/2014/TT-BTC.

**2.2 Năm tài chính**

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm Dương lịch. Báo cáo tài chính kèm theo được lập cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025.

**2.3 TUYÊN BỐ VỀ VIỆC TUÂN THỦ CHUẨN MỤC KẾ TOÁN VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN**

Báo cáo tài chính của Công ty được lập và trình bày đảm bảo tuân thủ yêu cầu của các Chuẩn mực kế toán Việt Nam và Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

**2.4 ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN**

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán là Đồng Việt Nam (VND).

**3. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU**

Báo cáo tài chính được lập trên cơ sở kế toán dồn tích (trừ các thông tin liên quan đến các luồng tiền).

Các chính sách kế toán được Công ty sử dụng để lập Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025 được áp dụng nhất quán với các chính sách đã được áp dụng để lập Báo cáo tài chính cho giai đoạn từ ngày 01/01/2024 đến ngày 31/12/2024.

**3.1 ƯỚC TÍNH KẾ TOÁN**

Việc lập Báo cáo tài chính tuân thủ theo các Chuẩn mực kế toán Việt Nam yêu cầu Ban Tổng Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về các khoản công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập Báo cáo tài chính cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt năm tài chính. Kết quả hoạt động kinh doanh thực tế có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

**3.2 TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN**

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền tại quỹ, tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn, tiền đang chuyển, tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn gốc không quá 3 tháng có khả năng thanh khoản cao, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành một lượng tiền xác định và ít rủi ro liên quan đến việc biến động giá trị chuyển đổi của các khoản này.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)**

*(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)*

**3. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP)**

**3.3 CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH**

*Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn*

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm các khoản đầu tư mà Công ty có ý định và khả năng nắm giữ đến ngày đáo hạn. Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm: các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn (bao gồm cả các loại tín phiếu, kỳ phiếu), trái phiếu, cổ phiếu ưu đãi bên phát hành bắt buộc phải mua lại tại một thời điểm nhất định trong tương lai và các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn khác.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được ghi nhận bắt đầu từ ngày mua và được xác định giá trị ban đầu theo giá mua và các chi phí liên quan đến giao dịch mua các khoản đầu tư. Thu nhập lãi từ các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn sau ngày mua được ghi nhận trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trên cơ sở dự thu. Lãi được hưởng trước khi Công ty nắm giữ được ghi giảm trừ vào giá gốc tại thời điểm mua.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được xác định theo giá gốc trừ đi dự phòng phải thu khó đòi.

Khi có các bằng chứng chắc chắn cho thấy một phần hoặc toàn bộ khoản đầu tư có thể không thu hồi được và số tổn thất được xác định một cách đáng tin cậy thì tổn thất được ghi nhận vào chi phí tài chính trong năm và giảm trực tiếp giá trị đầu tư

*Các khoản đầu tư vào công ty liên kết*

Công ty liên kết là doanh nghiệp mà Công ty có ảnh hưởng đáng kể nhưng không có quyền kiểm soát đối với các chính sách tài chính và hoạt động. Ảnh hưởng đáng kể thể hiện ở quyền tham gia vào việc đưa ra các quyết định về chính sách tài chính và hoạt động của doanh nghiệp nhận đầu tư nhưng không kiểm soát các chính sách này.

Các khoản đầu tư vào công ty liên kết được ghi nhận ban đầu theo giá gốc, bao gồm giá mua hoặc khoản góp vốn cộng các chi phí liên quan trực tiếp đến việc đầu tư.

Dự phòng tổn thất cho các khoản đầu tư vào công ty liên kết được trích lập khi công ty liên kết bị lỗ với mức trích lập bằng chênh lệch giữa vốn góp thực tế của các bên tại công ty liên kết và vốn chủ sở hữu thực có nhân với tỷ lệ góp vốn của Công ty so với tổng số vốn góp thực tế của các bên tại công ty liên kết

*Đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác*

Đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác bao gồm các khoản đầu tư công cụ vốn nhưng Công ty không có quyền kiểm soát, đồng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên được đầu tư. Các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác được ghi nhận ban đầu theo giá gốc, bao gồm giá mua hoặc khoản góp vốn cộng các chi phí trực tiếp liên quan đến hoạt động đầu tư. Cổ tức và lợi nhuận của các kỳ trước khi khoản đầu tư được mua được hạch toán giảm giá trị của chính khoản đầu tư đó. Cổ tức và lợi nhuận của các kỳ sau khi khoản đầu tư được mua được ghi nhận doanh thu tài chính. Cổ tức được nhận bằng cổ phiếu chỉ được theo dõi số lượng cổ phiếu tăng thêm, không ghi nhận giá trị cổ phiếu nhận được/được ghi nhận theo mệnh giá Dự phòng tổn thất cho các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác được trích lập tại thời điểm lập Báo cáo tài chính khi các khoản đầu tư có sự suy giảm so với giá gốc thì Công ty thực hiện trích lập dự phòng như sau:

- Đối với khoản đầu tư không xác định được giá trị hợp lý tại thời điểm báo cáo, dự phòng được trích lập với mức trích bằng chênh lệch giữa vốn góp thực tế của các bên tại đơn vị khác và vốn chủ sở hữu thực có nhân với tỷ lệ góp vốn của Tổng Công ty so với tổng số vốn góp thực tế của các bên tại đơn vị khác.

Tăng, giảm số dự phòng tổn thất đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác cần phải trích lập tại ngày khóa sổ lập báo cáo tài chính được ghi nhận vào chi phí tài chính.

### THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)

## 3. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP)

### 3.4 HÀNG TỒN KHO

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trong năm sản xuất kinh doanh bình thường trừ chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm và chi phí ước tính cho việc tiêu thụ chúng. Giá gốc hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền. Hàng tồn kho được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập cho từng mặt hàng tồn kho có giá gốc lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được. Tăng, giảm số dư dự phòng giảm giá hàng tồn kho cần phải trích lập tại ngày kết thúc năm tài chính được ghi nhận vào giá vốn hàng bán.

### 3.5 CÁC KHOẢN PHẢI THU

Các khoản phải thu được trình bày trên Báo cáo tài chính theo giá trị ghi sổ các khoản phải thu từ khách hàng và phải thu khác sau khi căn trừ các khoản dự phòng được lập cho các khoản phải thu khó đòi.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi thể hiện phần giá trị của các khoản phải thu mà Công ty dự kiến không có khả năng thu hồi tại ngày kết thúc kỳ kế toán. Tăng hoặc giảm số dư tài khoản dự phòng được hạch toán vào tài khoản chi phí quản lý doanh nghiệp trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh. Khi các khoản nợ phải thu khó đòi được xác định là không thể thu hồi được và kế toán thực hiện xóa nợ, các khoản chênh lệch phát sinh giữa số dự phòng nợ phải thu khó đòi và giá gốc nợ phải thu được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

### 3.6 TÀI SẢN CỐ ĐỊNH VÀ HAO MÒN

Tài sản cố định được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định mua sắm bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Tỷ lệ khấu hao được xác định theo phương pháp đường thẳng, căn cứ vào thời gian sử dụng ước tính của tài sản. Thời gian khấu hao cụ thể như sau:

Loại tài sản	Thời gian khấu hao (năm)
Nhà cửa, vật kiến trúc	05 - 50
Máy móc, thiết bị	05 - 20
Phương tiện vận tải truyền dẫn	05 - 30
Tài sản cố định hữu hình khác	05
Phần mềm quản lý	05

### 3.7 VAY VÀ NỢ THUÊ TÀI CHÍNH

Phản ánh các khoản tiền vay, nợ thuê tài chính và tình hình thanh toán các khoản tiền vay, nợ thuê tài chính. Các khoản có thời gian trả nợ hơn 12 tháng kể từ thời điểm kết thúc năm tài chính, sẽ được trình bày là vay và nợ thuê tài chính dài hạn. Các khoản đến hạn trả trong vòng 12 tháng tiếp theo kể từ thời điểm kết thúc năm tài chính, được trình bày là vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn.

Các chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến khoản vay (ngoài lãi vay phải trả), như chi phí thẩm định, kiểm toán, lập hồ sơ vay vốn... sẽ được hạch toán vào chi phí tài chính.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)**

*(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)*

**3. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP)**

**3.8 CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC**

Chi phí trả trước đã phát sinh liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều năm tài chính được hạch toán vào chi phí trả trước để phân bổ dần vào kết quả hoạt động kinh doanh trong các năm tài chính sau.

Việc tính và phân bổ chi phí trả trước vào chi phí sản xuất kinh doanh từng năm tài chính được căn cứ vào tính chất, mức độ từng loại chi phí để chọn phương pháp và tiêu thức phân bổ hợp lý. Chi phí trả trước được phân bổ dần vào chi phí sản xuất kinh doanh theo phương pháp đường thẳng.

Chi phí trả trước ngắn hạn bao gồm chi phí sửa chữa, công cụ dụng cụ và các chi phí khác có thời hạn phân bổ không quá 12 tháng.

Chi phí trả trước dài hạn bao gồm chi phí sửa chữa và các công cụ dụng cụ có thời gian phân bổ không quá 36 tháng.

**3.9 NỢ PHẢI TRẢ VÀ CHI PHÍ PHẢI TRẢ**

Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được. Chi phí phải trả được ghi nhận dựa trên các ước tính hợp lý về số tiền phải trả.

Việc phân loại các khoản phải trả là phải trả người bán, chi phí phải trả, phải trả nội bộ và phải trả khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải trả người bán phản ánh các khoản phải trả mang tính chất thương mại phát sinh giao dịch mua hàng hóa, dịch vụ, tài sản và người bán là đơn vị độc lập với Công ty.
- Chi phí phải trả phản ánh các khoản phải trả cho hàng hóa, dịch vụ đã nhận được từ người bán hoặc đã cung cấp cho người mua nhưng chưa chi trả do chưa có hóa đơn hoặc chưa đủ hồ sơ, tài liệu kế toán và các khoản phải trả cho người lao động về tiền lương nghỉ phép, các khoản chi phí sản xuất, kinh doanh phải trích trước.
- Phải trả nội bộ phản ánh các khoản phải trả các đơn vị trực thuộc không có tư cách pháp nhân hạch toán phụ thuộc.
- Phải trả khác phản ánh các khoản phải trả không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua, bán, cung cấp hàng hóa dịch vụ.

**3.10 PHÂN CHIA LỢI NHUẬN**

Lợi nhuận thuần sau thuế thu nhập doanh nghiệp có thể được chia cho các cổ đông sau khi được các cấp có thẩm quyền/ đại hội đồng cổ đông phê duyệt và sau khi đã trích lập các quỹ dự phòng theo Điều lệ của Công ty và các quy định của pháp luật.

Công ty trích lập các quỹ dự phòng sau từ lợi nhuận thuần sau thuế thu nhập doanh nghiệp của Công ty theo đề nghị của Hội đồng Quản trị và được các cổ đông phê duyệt tại đại hội đồng cổ đông thường niên:

*Quỹ đầu tư và phát triển*

Quỹ này được trích lập nhằm phục vụ việc mở rộng hoạt động hoặc đầu tư chiều sâu của Công ty.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)**

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)

**3. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP)**

**3.11 NGUYÊN TẮC GHI NHẬN VỐN CHỦ SỞ HỮU**

Vốn đầu tư chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.

Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối là số lợi nhuận từ các hoạt động của doanh nghiệp sau khi trừ (-) các khoản điều chỉnh do áp dụng hồi tố thay đổi chính sách kế toán và điều chỉnh hồi tố sai sót trọng yếu của các năm trước.

Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối có thể được chia cho các nhà đầu tư dựa trên tỷ lệ góp vốn sau khi được Đại hội đồng cổ đông thông qua và sau khi đã trích lập các quỹ theo Điều lệ Công ty và các quy định của pháp luật.

**3.12 GHI NHẬN DOANH THU, CHI PHÍ**

Doanh thu được xác định khi Công ty có khả năng nhận được các lợi ích kinh tế có thể xác định một cách chắc chắn. Doanh thu thuần được xác định theo giá trị hợp lý của các khoản đã thu hoặc sẽ thu được sau khi trừ các khoản chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán, hàng bán bị trả lại. Đồng thời doanh thu được ghi nhận khi thoả mãn các điều kiện sau:

*Doanh thu bán hàng*

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thoả mãn các điều kiện sau:

- Phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa đã được chuyển giao cho người mua;
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Công ty đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng;
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

*Doanh thu cung cấp dịch vụ*

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi đồng thời thoả mãn các điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập Báo cáo;
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Khi kết quả của một giao dịch về cung cấp dịch vụ không thể xác định được chắc chắn thì doanh thu được ghi nhận tương ứng với chi phí đã ghi nhận và có thể thu hồi.

*Doanh thu hoạt động tài chính*

Lãi tiền gửi được ghi nhận trên cơ sở dồn tích, được xác định trên số dư các tài khoản tiền gửi và lãi suất áp dụng cho từng thời kỳ.

Lãi từ các khoản đầu tư được ghi nhận khi Công ty có quyền nhận khoản lãi.

*Chi phí hoạt động sản xuất kinh doanh và giá vốn*

Chi phí được ghi nhận theo nguyên tắc thận trọng, được tập hợp theo thực tế phát sinh, phù hợp với doanh thu ghi nhận trong năm.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)**

*(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)*

**3. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP)**

**3.13 THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC**

Thuế thu nhập doanh nghiệp thể hiện tổng giá trị của số thuế phải trả hiện tại và số thuế hoãn lại.

Số thuế hiện tại phải trả được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm. Thu nhập chịu thuế khác với lợi nhuận thuần được trình bày trên Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh vì không bao gồm các khoản thu nhập hay chi phí tính thuế hoặc được khấu trừ trong các năm khác (bao gồm cả lỗ mang sang, nếu có) và ngoài ra không bao gồm các chi tiêu không chịu thuế hoặc không được khấu trừ. Thuế thu nhập doanh nghiệp được tính theo thuế suất có hiệu lực tại ngày kết thúc năm tài chính là 20% tính trên thu nhập chịu thuế của hoạt động thương mại.

Việc xác định thuế thu nhập của Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

Các loại thuế khác được áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

**3.14 BÊN LIÊN QUAN**

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động. Bên liên quan bao gồm:

- Những doanh nghiệp có quyền kiểm soát, hoặc bị kiểm soát trực tiếp hoặc gián tiếp thông qua một hoặc nhiều bên trung gian, hoặc dưới quyền bị kiểm soát chung với Công ty gồm Công ty mẹ, các công ty con cùng tập đoàn, các bên liên doanh, cơ sở kinh doanh được đồng kiểm soát, các công ty liên kết.
- Các cá nhân có quyền trực tiếp hoặc gián tiếp biểu quyết ở các doanh nghiệp báo cáo dẫn đến có ảnh hưởng đáng kể tới doanh nghiệp này, các nhân viên quản lý chủ chốt có quyền và trách nhiệm về việc lập kế hoạch, quản lý và kiểm soát các hoạt động của Công ty kể cả các thành viên mật thiết trong gia đình của các cá nhân này.
- Các doanh nghiệp do các cá nhân được nêu trên nắm trực tiếp hoặc gián tiếp quyền biểu quyết hoặc người đó có thể có ảnh hưởng đáng kể tới doanh nghiệp.

Khi xem xét từng mối quan hệ của các bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú ý tới chứ không phải chỉ hình thức pháp lý của các quan hệ đó. Theo đó, toàn bộ giao dịch và số dư với các bên liên quan trong kỳ của Công ty được trình bày chi tiết tại các thuyết minh 32.1 bên dưới.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)**

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)

**4. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN**

	31/12/2025	01/01/2025
	VND	VND
- Tiền mặt tại quỹ	140.046.842	46.511.203
- Tiền gửi ngân hàng	961.451.261	1.099.742.686
- Các khoản tương đương tiền (*)	32.812.000.000	16.500.000.000
<b>Cộng</b>	<b>33.913.498.103</b>	<b>17.646.253.889</b>

(\*) Hợp đồng hợp tác đầu tư với đối tác tổ chức, nhằm mục đích đầu tư vào các công ty sản xuất kinh doanh nước sạch. Thời hạn hợp tác đầu tư là 3 tháng và lợi nhuận sẽ được xác định khi kết thúc hợp đồng.

**5. ĐẦU TƯ NĂM GIỮ ĐẾN NGÀY ĐÁO HẠN**

	31/12/2025	01/01/2025
	VND	VND
Hợp đồng hợp tác đầu tư (i)	116.000.000.000	-
<b>Cộng</b>	<b>116.000.000.000</b>	<b>-</b>

(i) Hợp đồng hợp tác đầu tư với đối tác tổ chức, hạn mức đầu tư là 116.000.000.000 VND nhằm mục đích đầu tư vào các công ty sản xuất kinh doanh nước sạch. Thời hạn hợp tác đầu tư là 6 tháng và lợi nhuận sẽ được xác định khi kết thúc hợp đồng.

**6. TRẢ TRƯỚC CHO NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN**

	31/12/2025	01/01/2025
	VND	VND
<b>Ngắn hạn</b>	<b>12.232.320.792</b>	<b>10.580.085.372</b>
- Tạm ứng cho các nhà thầu xây dựng	12.162.996.001	10.288.526.074
- Trả trước cho người bán khác	69.324.791	291.559.298
<b>Cộng</b>	<b>12.232.320.792</b>	<b>10.580.085.372</b>

**7. PHẢI THU KHÁC**

	31/12/2025	01/01/2025
	VND	VND
<b>Ngắn hạn</b>	<b>2.775.476.248</b>	<b>1.742.601.764</b>
- Phải thu từ cổ tức, lãi	230.361.423	488.427.503
- Tạm ứng	2.345.071.221	821.785.337
- Ký quỹ, Ký cược	38.190.000	278.190.000
- Phải thu khác	161.853.604	154.198.924
<b>Dài hạn</b>	<b>175.751.500</b>	<b>82.343.223</b>
- Ký quỹ, ký cược	175.751.500	82.343.223
<b>Cộng</b>	<b>2.951.227.748</b>	<b>1.824.944.987</b>

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)**

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)

**8. PHẢI THU NGẮN HẠN CỦA KHÁCH HÀNG**

	31/12/2025		01/01/2025	
	Giá trị VND	Dự phòng VND	Giá trị VND	Dự phòng VND
<b>Ngắn hạn</b>	<b>3.948.738.277</b>	<b>(2.898.638.143)</b>	<b>4.556.149.522</b>	<b>(2.281.398.464)</b>
- Khách hàng cung cấp nước	126.364.948	-	395.587.780	(265.236.006)
- Khách hàng khác	3.822.373.329	(2.898.638.143)	4.160.561.742	(2.016.162.458)
<b>Cộng</b>	<b>3.948.738.277</b>	<b>(2.898.638.143)</b>	<b>4.556.149.522</b>	<b>(2.281.398.464)</b>

**9. HÀNG TỒN KHO**

	31/12/2025		01/01/2025	
	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá gốc VND	Dự phòng VND
- Nguyên liệu, vật liệu	7.908.459.093	-	8.209.122.088	-
- Công cụ, dụng cụ	8.580.000	-	-	-
- Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	609.086.598	-	1.068.563.074	-
<b>Cộng</b>	<b>8.526.125.691</b>	<b>-</b>	<b>9.277.685.162</b>	<b>-</b>

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31/12/2025

**CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP THOÁT NƯỚC BÌNH PHƯỚC**  
Số 216 Nguyễn Văn Linh, khu phố Phú Tân, phường Bình Phước, tỉnh Đồng Nai

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)**  
(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)

**10. TÀI SẢN CỔ ĐỊNH HỮU HÌNH**

	Nhà cửa vật kiến trúc	Máy móc thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị dụng cụ quản lý	TSCĐ khác	Cộng
	VND	VND	VND	VND	VND	VND
<b>NGUYÊN GIÁ</b>						
01/01/2025	128.783.530.801	19.293.782.416	486.041.223.426	19.215.846.998	414.906.375	653.749.290.016
- Mua mới trong năm	-	1.157.000.000	-	168.712.300	-	1.325.712.300
- Xây dựng cơ bản hoàn thành (Thuyết minh 14)	520.139.850	1.151.054.548	9.756.620.480	3.536.072.713	-	14.963.887.591
- Phân loại lại	17.045.000	(17.045.000)	-	-	-	-
<b>31/12/2025</b>	<b>129.320.715.651</b>	<b>21.584.791.964</b>	<b>495.797.843.906</b>	<b>22.920.632.011</b>	<b>414.906.375</b>	<b>670.038.889.907</b>
<b>HAO MÒN LŨY KẾ</b>						
01/01/2025	(63.408.542.729)	(9.335.111.892)	(241.016.196.545)	(7.662.263.543)	(414.906.375)	(321.837.021.084)
- Khấu hao trong năm	(7.173.305.737)	(2.433.941.446)	(21.076.956.881)	(3.087.787.269)	-	(33.771.991.333)
- Phân loại lại	(40.154.702)	47.385.277	(51.597.822)	44.367.247	-	-
<b>31/12/2025</b>	<b>(70.622.003.168)</b>	<b>(11.721.668.061)</b>	<b>(262.144.751.248)</b>	<b>(10.705.683.565)</b>	<b>(414.906.375)</b>	<b>(355.609.012.417)</b>
<b>GIÁ TRỊ CÒN LẠI</b>						
01/01/2025	65.374.988.072	9.958.670.524	245.025.026.881	11.553.583.455	-	331.912.268.932
<b>31/12/2025</b>	<b>58.698.712.483</b>	<b>9.863.123.903</b>	<b>233.653.092.658</b>	<b>12.214.948.446</b>	<b>-</b>	<b>314.429.877.490</b>

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình đã hết khấu hao nhưng vẫn còn sử dụng tại ngày 31/12/2025 số tiền là: 129.158.397.216 đồng (tại ngày 01/01/2025 số tiền là: 118.604.093.107 đồng).

Giá trị còn lại của tài sản cố định hữu hình đang được dùng để làm tài sản đảm bảo các khoản vay ngân hàng và dài hạn tại các ngân hàng tại ngày 31/12/2025 là 171.235.190.802 đồng (tại 01/01/2025 số tiền là: 178.660.106.974 đồng).

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)**

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)

**11. TÀI SẢN CỐ ĐỊNH VÔ HÌNH**

	Phần mềm VND	Tài sản khác VND	Cộng VND
<b>NGUYÊN GIÁ</b>			
01/01/2025	2.969.721.644	3.125.998.426	6.095.720.070
31/12/2025	2.969.721.644	3.125.998.426	6.095.720.070
<b>GIÁ TRỊ HAO MÒN</b>			
01/01/2025	(1.774.786.745)	(3.125.998.426)	(4.900.785.171)
- Khấu hao trong năm	(274.999.992)	-	(274.999.992)
31/12/2025	(2.049.786.737)	(3.125.998.426)	(5.175.785.163)
<b>GIÁ TRỊ CÒN LẠI</b>			
01/01/2025	<u>1.194.934.899</u>	<u>-</u>	<u>1.194.934.899</u>
31/12/2025	<u>919.934.907</u>	<u>-</u>	<u>919.934.907</u>

Nguyên giá tài sản cố định vô hình đã hết khấu hao nhưng vẫn còn sử dụng tại ngày 31/12/2025 số tiền là: 3.895.720.070 đồng (tại ngày 01/01/2025 số tiền là: 3.895.720.070 đồng).

**12. TÀI SẢN CỐ ĐỊNH THUÊ TÀI CHÍNH**

	Máy móc, thiết bị VND	Tổng cộng VND
<b>NGUYÊN GIÁ</b>		
01/01/2025	969.100.000	969.100.000
- Thuê tài chính trong năm	1.064.650.000	1.064.650.000
31/12/2025	<u>2.033.750.000</u>	<u>2.033.750.000</u>
<b>GIÁ TRỊ HAO MÒN</b>		
01/01/2025	(47.016.838)	(47.016.838)
- Khấu hao trong năm	(467.723.138)	(467.723.138)
31/12/2025	<u>(514.739.976)</u>	<u>(514.739.976)</u>
<b>GIÁ TRỊ CÒN LẠI</b>		
01/01/2025	<u>922.083.162</u>	<u>922.083.162</u>
31/12/2025	<u>1.519.010.024</u>	<u>1.519.010.024</u>

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)**

*(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)*

**13. CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC**

	<b>31/12/2025</b>	<b>01/01/2025</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
<b>Ngắn hạn</b>	<b>139.931.844</b>	<b>103.735.740</b>
- Chi phí bảo hiểm	139.931.844	103.735.740
<b>Dài hạn</b>	<b>9.052.640.007</b>	<b>8.211.281.637</b>
- Chi phí lắp đặt, đấu nối và thay thế đồng hồ đo nước	5.228.900.792	4.847.321.314
- Công cụ, dụng cụ	2.065.900.695	2.268.010.879
- Chi phí sửa chữa lớn tài sản cố định	1.757.838.520	1.095.949.444
<b>Cộng</b>	<b>9.192.571.851</b>	<b>8.315.017.377</b>

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)**  
(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)

**14. CHI PHÍ XÂY DỰNG CƠ BẢN DỜ DANG**

	31/12/2025		01/01/2025	
	Giá gốc VND	Giá trị có thể thu hồi VND	Giá gốc VND	Giá trị có thể thu hồi VND
<b>Số dư đầu năm</b>	<b>11.350.803.794</b>	<b>11.350.803.794</b>	<b>15.240.624.315</b>	<b>15.240.624.315</b>
- Chi phí phát sinh trong năm	20.770.572.848	20.770.572.848	29.486.794.474	29.486.794.474
- Chuyển sang tài sản cố định (Thuyết minh 10)	(14.963.887.591)	(14.963.887.591)	(33.354.015.642)	(33.354.015.642)
- Chuyển sang chi phí trả trước	(979.077.354)	(979.077.354)	(22.599.353)	(22.599.353)
<b>Số dư cuối năm</b>	<b>16.178.411.697</b>	<b>16.178.411.697</b>	<b>11.350.803.794</b>	<b>11.350.803.794</b>

Trong đó:

- Dự án mở rộng, nâng cấp hệ thống cấp nước  
Đông Xoài (Nha Bích)
- Các công trình khác

10.352.500.000	-	10.352.500.000	-
5.825.911.697	-	998.303.794	-

**CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP THOÁT NƯỚC BÌNH PHƯỚC**

Số 216 Nguyễn Văn Linh, khu phố Phú Tân, phường Bình Phước, tỉnh Đồng Nai

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31/12/2025

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)**

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)

**15. ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH DÀI HẠN**

	31/12/2025		01/01/2025	
	Giá gốc	Dự phòng (*)	Giá gốc	Dự phòng (*)
	VND	VND	VND	VND
<b>Đầu tư vào công ty con</b>	20.922.550.000	-	20.922.550.000	-
- Công ty Cổ phần Đầu tư nước Bình An	20.922.550.000	-	20.922.550.000	-
<b>Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết</b>	357.470.000.000	-	357.470.000.000	-
- Công ty TNHH Nước thô DNP - Sông Tiền	107.780.000.000	-	107.780.000.000	-
- Công ty TNHH Đầu tư Hạ tầng nước DNP - Bắc Giang	249.690.000.000	-	249.690.000.000	-
<b>Đầu tư vào đơn vị khác</b>	28.140.932.236	-	28.140.932.236	-
- Công ty Cổ phần Bình Hiệp	21.076.045.880	-	21.076.045.880	-
- Công ty Cổ phần Sản xuất Kinh doanh nước sạch số 3 Hà Nội	7.064.886.356	-	7.064.886.356	-
<b>Cộng</b>	<b>406.533.482.236</b>	-	<b>406.533.482.236</b>	-

**Chi tiết đầu tư góp vốn vào đơn vị khác:**

	31/12/2025		01/01/2025	
	Tỷ lệ sở hữu	Tỷ lệ biểu quyết	Tỷ lệ sở hữu	Tỷ lệ biểu quyết
	%	%	%	%
<b>Đầu tư vào công ty con</b>	79,93%	79,93%	79,93%	79,93%
- Công ty Cổ phần Đầu tư nước Bình An				
<b>Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết</b>	48,99%	48,99%	48,99%	48,99%
- Công ty TNHH Nước thô DNP - Sông Tiền	45,06%	45,06%	45,06%	45,06%
- Công ty TNHH Đầu tư Hạ tầng nước DNP - Bắc Giang				
<b>Đầu tư vào đơn vị khác</b>	7,67%	7,67%	7,67%	7,67%
- Công ty Cổ phần Bình Hiệp	2,88%	2,88%	2,88%	2,88%
- Công ty Cổ phần Sản xuất Kinh doanh nước sạch số 3 Hà Nội				

**CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP THOÁT NƯỚC BÌNH PHƯỚC**  
Số 216 Nguyễn Văn Linh, khu phố Phú Tân, phường Bình Phước, tỉnh Đồng Nai

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH**  
Cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31/12/2025

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)**

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)

**15. ĐÀU TƯ TÀI CHÍNH DÀI HẠN (TIẾP)**

(\*) Tại ngày 31/12/2025, Công ty Cổ phần Đầu tư nước Bình An và Công ty TNHH Đầu tư Hạ tầng nước DNP - Bắc Giang đang hoạt động sản xuất kinh doanh bình thường, Công ty TNHH Nước thô DNP - Sông Tiền đang trong giai đoạn trước hoạt động. Theo đó, Ban Giám đốc đánh giá các khoản đầu tư vào các công ty con và công ty liên kết không bị suy giảm giá trị tại ngày 31/12/2025. Do vậy, Công ty không trích lập dự phòng cho các khoản đầu tư này tại ngày 31/12/2025.

**16. PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN**

		31/12/2025		01/01/2025	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	
	VND	VND	VND	VND	VND
<b>Ngắn hạn</b>	<b>14.687.180.236</b>	<b>14.687.180.236</b>	<b>21.337.557.719</b>	<b>21.337.557.719</b>	<b>21.337.557.719</b>
- Phải trả công trình xây dựng và mua tài sản cố định	5.055.390.004	5.055.390.004	14.212.076.419	14.212.076.419	14.212.076.419
- Phải trả tiền mua nước thô	2.832.942.735	2.832.942.735	2.609.235.720	2.609.235.720	2.609.235.720
- Phải trả tiền mua vật tư	5.565.620.874	5.565.620.874	3.044.642.806	3.044.642.806	3.044.642.806
- Phải trả khác	1.233.226.623	1.233.226.623	1.471.602.774	1.471.602.774	1.471.602.774
<b>Dài hạn</b>	<b>437.721.966</b>	<b>437.721.966</b>	<b>1.749.993.966</b>	<b>1.749.993.966</b>	<b>1.749.993.966</b>
- Phải trả công trình xây dựng và mua tài sản cố định	437.721.966	437.721.966	1.749.993.966	1.749.993.966	1.749.993.966
<b>Cộng</b>	<b>15.124.902.202</b>	<b>15.124.902.202</b>	<b>23.087.551.685</b>	<b>23.087.551.685</b>	<b>23.087.551.685</b>

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)**

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)

**17. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC**

	01/01/2025	Số phải nộp trong năm	Số đã thực nộp/bù trừ trong năm	31/12/2025
	VND	VND	VND	VND
<b>Thuế và các khoản phải nộp</b>				
- Thuế thu nhập doanh nghiệp	3.617.235.362	671.091.505	3.669.437.207	618.889.660
- Phí, lệ phí và các khoản phải nộp khác	727.224.966	9.519.130.349	9.501.082.393	745.272.922
<b>Cộng</b>	<b>4.344.460.328</b>	<b>10.190.221.854</b>	<b>13.170.519.600</b>	<b>1.364.162.582</b>
	01/01/2025	Số đã thu/ khấu trừ	Số đã nộp/ phải thu trong năm	31/12/2025
	VND	VND	VND	VND
<b>Thuế và các khoản phải thu</b>				
- Thuế giá trị gia tăng phải nộp	563.055	-	-	563.055
- Thuế thu nhập cá nhân	29.486.826	244.519.295	241.812.349	26.779.880
- Thuế nhà đất, tiền thuê đất	9.992.000	51.849.459	51.849.459	9.992.000
- Các loại thuế khác	-	109.393.000	109.393.000	-
	<b>40.041.881</b>	<b>405.761.754</b>	<b>403.054.808</b>	<b>37.334.935</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP THOÁT NƯỚC BÌNH PHƯỚC**

Số 216 Nguyễn Văn Linh, khu phố Phú Tân, phường Bình Phước, tỉnh Đồng Nai

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31/12/2025

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)**

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)

**18. VAY VÀ NỢ THUẾ TÀI CHÍNH**

	31/12/2025		01/01/2025	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Tăng	Giảm
	VND	VND	VND	VND
Vay và nợ thuế tài chính ngắn hạn	41.270.134.770	41.270.134.770	57.117.008.428	52.284.442.779
- Vay ngắn hạn	15.591.013.612	15.591.013.612	31.368.241.611	28.377.398.406
+ Ngân hàng Thương mại Cổ phần Quân đội - Chi nhánh Bình Phước (1)	15.591.013.612	15.591.013.612	31.368.241.611	28.377.398.406
- Vay dài hạn đến hạn trả	25.256.304.542	25.256.304.542	25.123.054.542	23.502.672.818
+ Bộ tài chính (2)	13.500.000.000	13.500.000.000	13.500.000.000	13.500.000.000
+ Công ty Cổ phần Đầu tư Kinh doanh nhà Bình Phước (3)	133.250.000	133.250.000	-	209.146.058
+ Ngân hàng Thương mại Cổ phần Quân đội - Chi nhánh Bình Phước (4)	4.199.854.542	4.199.854.542	4.199.854.542	4.255.526.760
+ Quỹ Đầu tư Phát triển (5)	2.423.200.000	2.423.200.000	2.423.200.000	538.000.000
+ Ngân hàng TMCP Sài Gòn Hà Nội (6)	5.000.000.000	5.000.000.000	5.000.000.000	5.000.000.000
- Nợ thuế tài chính đến hạn trả	422.816.616	422.816.616	625.712.275	404.371.555
+ Công ty Cho thuê Tài chính TNHH MTV Quốc tế Chatlease (7)	422.816.616	422.816.616	625.712.275	404.371.555
Vay và nợ thuế tài chính dài hạn	425.186.807.098	425.186.807.098	6.079.022.344	25.748.766.817
- Vay dài hạn ngắn hạn	425.186.807.098	425.186.807.098	6.079.022.344	25.748.766.817
+ Bộ tài chính (2)	172.309.901.757	172.309.901.757	-	13.500.000.000
+ Công ty Cổ phần Đầu tư Kinh doanh nhà Bình Phước (3)	266.500.000	266.500.000	-	266.500.000
+ Ngân hàng Thương mại Cổ phần Quân đội - Chi nhánh Bình Phước (4)	6.345.439.487	6.345.439.487	-	4.199.854.542
+ Quỹ Đầu tư Phát triển (5)	5.451.256.496	5.451.256.496	5.193.659.404	2.423.200.000
+ Ngân hàng TMCP Sài Gòn Hà Nội (6)	240.000.000.000	240.000.000.000	-	5.000.000.000
+ Công ty Cho thuê Tài chính TNHH MTV Quốc tế Chatlease (7)	813.709.358	813.709.358	885.362.940	625.712.275
<b>Cộng</b>	<b>466.456.941.868</b>	<b>466.456.941.868</b>	<b>63.196.030.772</b>	<b>78.033.209.596</b>
				<b>481.294.120.692</b>
				<b>481.294.120.692</b>

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)***(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)***18. VAY VÀ NỢ THUẾ TÀI CHÍNH (TIẾP)****Vay ngắn hạn**

(1) Khoản vay Ngân hàng TMCP Quân đội - Chi nhánh Bình Phước với tổng hạn mức vay vốn là 16.000.000.000 VND cho mục đích bổ sung vốn lưu động phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh trong năm. Thời hạn vay là 6 tháng, lãi suất thả nổi tính theo mức dư nợ thực tế. Khoản vay được đảm bảo bằng Quyền sử dụng đất của Công ty Cổ phần Cấp thoát nước Bình Phước tại Phường Đồng Xoài, tỉnh Đồng Nai với diện tích 14.532,3 m<sup>2</sup>.

**Vay dài hạn**

(2) Hiệp định vay phụ giữa Bộ Tài chính Việt Nam và Công ty TNHH MTV Cấp thoát nước Bình Phước ngày 18 tháng 12 năm 2011 về việc sử dụng một phần khoản tín dụng số của Hiệp hội phát triển quốc tế IDA với mục đích tài trợ vốn cho đầu tư xây dựng cơ bản. Bộ Tài chính Việt Nam dành cho Công ty một khoản tín dụng bằng tiền đồng Việt Nam không vượt quá 270.000.000.000 VND, tương đương 13.846.355 USD. Khoản vay hoàn trả cho Bộ Tài chính Việt Nam trong thời hạn 25 năm trong đó có 5 năm ân hạn, thời gian đáo hạn của khoản vay là tháng 11 năm 2039. Lãi suất là 6,75%/năm và phí quản lý 0,2%/năm, lãi phạt bằng 150% lãi suất cho vay. Khoản vay này được thế chấp bởi toàn bộ công trình có giá trị còn lại tại ngày 31/12/2025: 157,840 tỷ VND (01 tháng 01 năm 2025: 169,087 tỷ VND).

(3) Khoản vay không có tài sản đảm bảo của Công ty Cổ phần Đầu tư Kinh doanh nhà Bình Phước với tổng số tiền vay là 5.041.552.840 VND cho mục đích đầu tư xây dựng cơ bản. Thời hạn vay là 5 năm với lãi suất 0%.

(4) Khoản vay từ Ngân hàng TMCP Quân đội - Chi nhánh Bình Phước với tổng hạn mức vay vốn là 26.504.427.890 VND cho mục đích đầu tư xây dựng cơ bản. Thời hạn vay là 4 - 5 năm và lãi suất thả nổi. Khoản vay được đảm bảo bằng Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của Công ty Cổ phần Cấp thoát nước Bình Phước tại Phường Đồng Xoài, tỉnh Đồng Nai với diện tích là 14.532,3 m<sup>2</sup>.

(5) Khoản vay từ Quỹ Đầu tư Phát triển Bình Phước với tổng hạn mức vay vốn 9.144.000.000 VND cho mục đích thực hiện dự án "Tuyến ống cấp nước Bù Nho" và dự án "Tuyến ống cấp nước xã Phước Tín". Thời hạn vay là 4 năm với lãi suất 6,7%-7%/năm. Khoản vay được thế chấp bằng cổ phần của Công ty Cổ phần Bình Hiệp thuộc sở hữu hợp pháp của Công ty và toàn bộ công trình có giá trị còn lại tại ngày 31 tháng 12 năm 2025: 11,876 tỷ VND.

(6) Khoản vay từ Ngân hàng TMCP Sài Gòn Hà Nội với tổng số tiền vay là 250.000.000.000 VND cho mục đích nhận chuyển nhượng phần góp vốn tại Công ty TNHH Đầu tư Hạ tầng nước DNP - Bắc Giang và Công ty TNHH Nước thô DNP - Sông Tiền. Thời hạn vay là 10 năm với lãi suất theo từng khe ước nhận nợ. Khoản vay được đảm bảo bằng cổ phần của Công ty thuộc sở hữu hợp pháp của Công ty Cổ phần Đầu tư Ngành nước DNP và cổ phần của Công ty Cổ phần đầu tư Ngành nước DNP thuộc sở hữu của Công ty Cổ phần DNP Holding.

(7) Khoản nợ thuế tài chính với Công ty Cho thuê Tài chính TNHH MTV Quốc tế Chailease với tổng số tiền là 1.691.266.500 VND với thời hạn vay là 48 tháng và lãi suất thả nổi.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)

**19. CHI PHÍ PHẢI TRẢ NGẮN HẠN**

	31/12/2025	01/01/2025
	VND	VND
	<u>3.665.735.538</u>	<u>4.786.201.824</u>
- Chi phí lãi vay	2.339.024.640	2.127.857.167
- Chi phí cấp quyền khai thác nước	-	1.237.893.907
- Chi phí phải trả khác	1.326.710.898	1.420.450.750
<b>Cộng</b>	<u><u>3.665.735.538</u></u>	<u><u>4.786.201.824</u></u>

**20. PHẢI TRẢ KHÁC**

	31/12/2025	01/01/2025
	VND	VND
<b>Ngắn hạn</b>	<u>252.118.332</u>	<u>159.341.384</u>
- Phải trả cổ tức	51.804.965	59.119.015
- Phải trả ngắn hạn khác	200.313.367	100.222.369
<b>Dài hạn</b>	<u>109.271.882.401</u>	<u>108.929.882.401</u>
- Nhận ký quỹ, ký cược dài hạn	1.771.882.401	1.429.882.401
- Hợp đồng hợp tác đầu tư (*)	107.500.000.000	107.500.000.000
<b>Cộng</b>	<u><u>109.524.000.733</u></u>	<u><u>109.089.223.785</u></u>

(\*) Khoản phải trả theo hợp đồng đầu tư với đối tác tổ chức với mục đích cùng đầu tư cổ phiếu của các Công ty hoạt động trong lĩnh vực kinh doanh nước sạch và đầu tư vào các dự án xây dựng các nhà máy nước sạch. Khoản hợp tác đầu tư có kỳ hạn 15 năm với lợi suất tối thiểu phải trả từ 5% đến 12%.

**CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP THOÁT NƯỚC BÌNH PHƯỚC**

Số 216 Nguyễn Văn Linh, khu phố Phú Tân, phường Bình Phước, tỉnh Đồng Nai

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31/12/2025

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)***(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)***21. VỐN CHỦ SỞ HỮU****21.1 BẢNG ĐỐI CHIẾU BIẾN ĐỘNG VỐN CHỦ SỞ HỮU**

	Vốn cổ phần		Thặng dư vốn cổ phần		Quỹ đầu tư phát triển		Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối		Tổng cộng	
	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND
<b>01/01/2024</b>	<b>132.038.580.000</b>	-	-	-	-	-	<b>54.267.716.571</b>	<b>186.306.296.571</b>	<b>186.306.296.571</b>	
- Lợi nhuận trong năm	-	-	-	-	-	-	25.478.299.185	25.478.299.185	25.478.299.185	
- Trích lập quỹ trong năm	-	-	-	-	27.860.000.571	-	(27.860.000.571)	-	-	
- Trả cổ tức trong năm	-	-	-	-	-	-	(13.203.858.000)	(13.203.858.000)	(13.203.858.000)	
<b>31/12/2024</b>	<b>132.038.580.000</b>	-	-	-	<b>27.860.000.571</b>	-	<b>38.682.157.185</b>	<b>198.580.737.756</b>	<b>198.580.737.756</b>	
<b>01/01/2025</b>	<b>132.038.580.000</b>	-	-	-	<b>27.860.000.571</b>	-	<b>38.682.157.185</b>	<b>198.580.737.756</b>	<b>198.580.737.756</b>	
- Lợi nhuận trong năm	-	-	-	-	-	-	7.472.368.308	7.472.368.308	7.472.368.308	
- Tăng vốn góp (*)	100.287.780.000	50.143.890.000	-	-	-	-	-	150.431.670.000	150.431.670.000	
- Phân phối lợi nhuận sau thuế (**)	-	-	-	-	-	-	(13.203.858.000)	(13.203.858.000)	(13.203.858.000)	
+ <i>Chi có tức bằng tiền</i>	-	-	-	-	-	-	(13.203.858.000)	(13.203.858.000)	(13.203.858.000)	
<b>31/12/2025</b>	<b>232.326.360.000</b>	<b>50.143.890.000</b>	-	-	<b>27.860.000.571</b>	-	<b>32.950.667.493</b>	<b>343.280.918.064</b>	<b>343.280.918.064</b>	

(\*) Căn cứ Nghị quyết số 10/2025/NQ-ĐHĐCĐ ngày 29/12/2025 của Đại hội đồng cổ đông, Công ty đã thông qua phương án tăng vốn điều lệ thông qua phát hành thêm 10.064.148 cổ phần với giá chào bán 15.000 đồng/cổ phần theo phương án chào bán riêng lẻ cho nhà đầu tư, với mệnh giá 10.000 đồng/cổ phần.

Tính đến ngày 31/12/2025, Công ty đã hoàn tất việc chào bán riêng lẻ cho nhà đầu tư 10.028.778 cổ phần, tương đương giá trị tăng vốn điều lệ là 100.287.780.000 đồng.

Phần cổ phần còn lại chưa phân phối hết tại ngày kết thúc năm tài chính sẽ được Công ty tiếp tục thực hiện theo phương án đã được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt và được trình bày chi tiết tại Thuyết minh số 32.4 của Báo cáo tài chính này.

(\*\*) Căn cứ vào Nghị Quyết của Đại Hội đồng Cổ đông số 01/2025/NQ – ĐHĐCĐ ngày 02 tháng 04 năm 2025, Hội đồng Quản trị Công ty đã thông qua việc thực hiện chi trả cổ tức với tỷ lệ 10% trên vốn điều lệ, tương đương với số tiền 13.203.858.000 đồng trong năm 2024.

**CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP THOÁT NƯỚC BÌNH PHƯỚC**

Số 216 Nguyễn Văn Linh, khu phố Phú Tân, phường Bình Phước, tỉnh Đồng Nai

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31/12/2025

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)***(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)***21.2 VỐN CỔ PHẦN**

	31/12/2025		01/01/2025	
	Số lượng cổ phiếu	VND	Số lượng cổ phiếu	VND
Công ty Cổ phần Đầu tư Ngân nước DNP	19.588.753	195.887.530.000	11.115.998	111.159.980.000
Cổ đông khác	3.643.883	36.438.830.000	2.087.860	20.878.600.000
<b>Cộng</b>	<b>23.232.636</b>	<b>232.326.360.000</b>	<b>13.203.858</b>	<b>132.038.580.000</b>

(\*) Tại thời điểm 31/12/2025, Các cổ đông khác chưa hoàn tất việc thực hiện quyền đăng ký mua cổ phần theo Quyết định 21.1 nên tỷ lệ sở hữu cổ phần được tính dựa trên số lượng cổ phần trước khi phát hành. Tỷ lệ sở hữu cổ phần sẽ được cập nhật theo kết quả phát hành cổ phần tại Nghị quyết 03/2026/NQ-HĐQT ngày 10/02/2026.

**Cổ phiếu phát hành:**

	31/12/2025	01/01/2025
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	23.268.006	13.203.858
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	23.232.636	13.203.858
+ Cổ phiếu phổ thông	23.232.636	13.203.858
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	23.232.636	13.203.858
+ Cổ phiếu phổ thông	23.232.636	13.203.858
<i>Mệnh giá cổ phiếu (VND/Cổ phiếu)</i>	<i>10.000</i>	<i>10.000</i>

**Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối, cổ tức, lợi nhuận:**

	Năm 2025	Năm 2024
	VND	VND
Vốn đầu tư của chủ sở hữu	232.326.360.000	132.038.580.000
+ Vốn góp đầu năm	132.038.580.000	132.038.580.000
+ Vốn góp tăng trong năm	100.287.780.000	-
+ Vốn góp cuối năm	232.326.360.000	132.038.580.000
- <b>Cổ tức, lợi nhuận đã chia</b>	<b>13.203.858.000</b>	<b>13.203.858.000</b>

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)

**22. DOANH THU BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ**

	Năm 2025 VND	Năm 2024 VND
- Doanh thu cung cấp nước sạch	143.486.395.339	130.152.046.248
- Doanh thu lắp đặt đường ống, đồng hồ nước	7.182.040.121	7.643.887.743
- Doanh thu khác	467.567.052	371.431.348
<b>Cộng</b>	<b>151.136.002.512</b>	<b>138.167.365.339</b>

**23. GIÁ VỐN HÀNG BÁN**

	Năm 2025 VND	Năm 2024 VND
- Giá vốn cung cấp nước sạch	66.261.783.652	63.538.608.205
- Giá vốn lắp đặt đường ống, đồng hồ nước	6.339.077.111	7.017.668.355
- Giá vốn khác	125.417.850	127.440.602
<b>Cộng</b>	<b>72.726.278.613</b>	<b>70.683.717.162</b>

**24. DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH**

	Năm 2025 VND	Năm 2024 VND
- Lãi tiền gửi, tiền cho vay	2.789.249	224.226.711
- Lãi từ bán khoản đầu tư vào đơn vị khác	-	7.707.308.919
- Lãi từ hợp đồng hợp tác đầu tư	1.027.840.875	1.259.045.342
- Thu nhập từ cổ tức	1.647.318.000	2.551.062.296
<b>Cộng</b>	<b>2.677.948.124</b>	<b>11.741.643.268</b>

**25. CHI PHÍ TÀI CHÍNH**

	Năm 2025 VND	Năm 2024 VND
- Chi phí lãi vay	44.463.318.794	21.994.130.397
- Chi phí phát hành trái phiếu	-	483.277.786
- Lỗ do chênh lệch tỷ giá	-	113.060.962
<b>Cộng</b>	<b>44.463.318.794</b>	<b>22.590.469.145</b>

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)

**26. CHI PHÍ BÁN HÀNG**

	Năm 2025 VND	Năm 2024 VND
- Chi phí nhân viên bán hàng	5.667.675.173	5.112.779.314
- Chi phí vật liệu, bao bì	3.048.391.640	3.589.981.505
- Chi phí dụng cụ, đồ dùng	61.065.953	60.738.637
- Chi phí bảo hành	2.226.992.250	1.984.325.810
- Chi phí dịch vụ mua ngoài	46.602.847	34.639.126
- Chi phí bằng tiền khác	531.749.473	548.641.981
<b>Cộng</b>	<b>11.582.477.336</b>	<b>11.331.106.373</b>

**27. CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP**

	Năm 2025 VND	Năm 2024 VND
- Chi phí nhân viên quản lý	10.966.668.288	10.186.989.189
- Chi phí vật liệu quản lý	353.671.401	376.997.931
- Chi phí đồ dùng văn phòng	525.830.195	410.444.399
- Chi phí khấu hao tài sản cố định	614.357.628	801.834.486
- Thuế, phí và lệ phí	43.835.363	46.912.411
- Chi phí dịch vụ mua ngoài	268.444.670	252.928.049
- Dự phòng nợ phải thu khó đòi	823.633.098	859.240.175
- Chi phí bằng tiền khác	4.024.030.416	3.981.988.076
<b>Cộng</b>	<b>17.620.471.059</b>	<b>16.917.334.716</b>

**28. THU NHẬP KHÁC**

	Năm 2025 VND	Năm 2024 VND
- Thu nhập từ phí bảo vệ môi trường	1.040.085.043	1.005.407.459
- Thu nhập khác	272.654.395	249.094.277
<b>Cộng</b>	<b>1.312.739.438</b>	<b>1.254.501.736</b>

**29. CHI PHÍ KHÁC**

	Năm 2025 VND	Năm 2024 VND
- Chi phí khác	611.931.152	492.135.921
	<b>611.931.152</b>	<b>492.135.921</b>

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)

**30. CHI PHÍ SẢN XUẤT KINH DOANH THEO YẾU TỐ**

	Năm 2025	Năm 2024
	VND	VND
- Chi phí công cụ dụng cụ	1.549.490.824	527.193.752
- Chi phí nguyên vật liệu	24.101.110.275	26.002.093.315
- Chi phí nhân công	22.715.287.592	20.828.392.533
- Chi phí khấu hao tài sản cố định	34.514.714.463	31.054.602.819
- Thuế, phí và lệ phí	72.036.979	63.098.589
- Chi phí dự phòng	823.633.098	859.240.175
- Chi phí dịch vụ mua ngoài	13.426.881.573	12.395.676.770
- Chi phí bằng tiền khác	4.726.072.204	7.201.860.298
<b>Cộng</b>	<b>101.929.227.008</b>	<b>98.932.158.251</b>

**31. CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP HIỆN HÀNH**

	Năm 2025	Năm 2024
	VND	VND
<b>Lợi nhuận kế toán trước thuế</b>	<b>8.103.102.832</b>	<b>29.095.534.547</b>
<b>Các khoản điều chỉnh tăng</b>	<b>(1.795.757.592)</b>	<b>(528.633.755)</b>
- Chi phí không được trừ	(148.439.592)	2.022.428.541
- Thu nhập từ chia cổ tức không chịu thuế TNDN	(1.647.318.000)	(2.551.062.296)
<b>Thu nhập chịu thuế TNDN</b>	<b>6.307.345.240</b>	<b>28.566.900.792</b>
<b>Thu nhập tính thuế</b>	<b>6.307.345.240</b>	<b>28.566.900.792</b>
Trong đó		
- Thu nhập tính thuế theo thuế suất 20%	(725.381.566)	7.605.452.831
- Thu nhập tính thuế theo thuế suất 10%	7.032.726.806	20.961.447.961
Thuế TNDN hiện hành theo thuế suất 20%	-	1.521.090.566
Thuế TNDN hiện hành theo thuế suất 10%	630.734.524	2.096.144.796
<b>Tổng chi phí thuế TNDN hiện hành</b>	<b>630.734.524</b>	<b>3.617.235.362</b>

Công ty áp dụng thuế suất 10% trên thu nhập chịu thuế đối với thu nhập chịu thuế từ hoạt động sản xuất và kinh doanh nước sạch – hoạt động xã hội hóa trong lĩnh vực môi trường theo Nghị định số 218/2013/NĐ-CP ngày 26 tháng 12 năm 2013 và Nghị định số 69/2008/NĐ-CP ngày 30 tháng 5 năm 2008 của Chính phủ. Công ty áp dụng thuế suất 20% đối với các hoạt động kinh doanh khác.

Việc tính toán thuế TNDN hiện hành còn phụ thuộc vào việc kiểm tra và phê duyệt của cơ quan thuế địa phương.

Thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại không được ghi nhận tại ngày 31 tháng 12 năm 2025 vì Công ty không phát sinh các khoản chênh lệch tạm thời đáng kể tại ngày 31 tháng 12 năm 2025.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)

**32. THÔNG TIN KHÁC**

**32.1 GIAO DỊCH VÀ SỐ DƯ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN**

Danh sách các bên liên quan là tổ chức của Công ty trong kỳ bao gồm:

<b>STT</b>	<b>Bên liên quan</b>	<b>Mối quan hệ</b>
1	Công ty Cổ phần Đầu tư ngành nước DNP	Công ty mẹ
2	Công ty Cổ phần Đầu tư nước Bình An	Công ty con
3	Công ty Cổ phần Bình Hiệp	Cùng tập đoàn
4	Công ty Cổ phần Sản xuất kinh doanh nước sạch số 3	Cùng tập đoàn
5	Công ty TNHH Nước thô DNP - Sông Tiền	Công ty liên kết
6	Công ty TNHH Đầu tư hạ tầng nước DNP - Bắc Giang	Công ty liên kết
7	Công ty Cổ phần Thiết bị và Công nghệ Eco Việt Nam	Cùng tập đoàn cấp cao nhất

Trong năm, Công ty đã thực hiện giao dịch chủ yếu với các bên liên quan như sau:

<b>Các bên có liên quan</b>	<b>Bản chất giao dịch</b>	<b>Năm 2025 VND</b>	<b>Năm 2024 VND</b>
Công ty Cổ phần Thiết bị và Công nghệ Eco Việt Nam	Dịch vụ thiết kế, lắp đặt	1.557.048.600	5.002.921.528
	Lãi trả chậm	221.472.720	199.959.254

Tại ngày 31/12/2025, số dư với các bên liên quan như sau:

<b>Bên liên quan</b>	<b>Số dư</b>	<b>31/12/2025 VND</b>	<b>01/01/2025 VND</b>
Công ty Cổ phần Sản xuất kinh doanh nước sạch số 3 Hà Nội	Phải thu khác	-	455.920.000
Công ty Cổ phần Thiết bị và Công nghệ Eco Việt Nam	Phải trả người bán	1.749.993.966	3.117.259.566

**32.2 THU NHẬP, THÙ LAO CỦA THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN GIÁM ĐỐC VÀ BAN KIỂM SOÁT**

	<b>Năm 2025 VND</b>	<b>Năm 2024 VND</b>
Tổng thu nhập và thù lao của thành viên Hội đồng Quản trị	52.172.715	185.088.116
Tổng thu nhập của Ban Giám Đốc	814.772.294	799.341.205
Thù lao Ban Kiểm soát	42.338.172	52.450.896
	<b>909.283.181</b>	<b>1.036.880.217</b>

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)

**32.3 NHỮNG KHOẢN NỢ TIỀM TÀNG**

Không có khoản nợ tiềm tàng nào phát sinh từ những sự kiện đã xảy ra có thể ảnh hưởng đến các thông tin đã được trình bày trong Báo cáo tài chính mà Công ty không kiểm soát được hoặc chưa được ghi nhận.

**32.4 NHỮNG SỰ KIỆN PHÁT SINH SAU NGÀY KẾT THÚC NĂM TÀI CHÍNH**

Căn cứ Nghị quyết số 03/2026/NQ-HĐQT ngày 10/02/2026 của Hội đồng quản trị về việc thông qua kết quả phát hành cổ phiếu tăng vốn điều lệ, Công ty đã hoàn tất việc phân phối toàn bộ số cổ phiếu còn lại theo phương án phát hành đã được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt.

Sau khi hoàn tất đợt phát hành, vốn điều lệ của Công ty được nâng lên 232.680.060.000 đồng.

Công ty đã thực hiện thủ tục thay đổi nội dung đăng ký doanh nghiệp và được cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp sửa đổi lần thứ 19 ngày 25/02/2026, phản ánh mức vốn điều lệ mới nêu trên.

Ngoài sự kiện nêu trên, Công ty không phát sinh bất kỳ sự kiện nào có thể ảnh hưởng đến các thông tin đã được trình bày trong Báo cáo tài chính cũng như có hoặc có thể tác động đáng kể đến hoạt động của Công ty.

**32.5 THÔNG TIN HOẠT ĐỘNG LIÊN TỤC**

Không có bất kỳ sự kiện nào gây ra sự nghi ngờ lớn về khả năng hoạt động liên tục và Công ty không có ý định cũng như buộc phải ngừng hoạt động, hoặc phải thu hẹp đáng kể quy mô hoạt động của mình.

**33. SỐ LIỆU SO SÁNH**

Số liệu so sánh là số liệu trong Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2024 của Công ty đã được kiểm toán.



  
Phạm Thị Loan  
Tổng Giám đốc

Đồng Nai, ngày 05 tháng 03 năm 2026

  
Trương Thị Tố Nga  
Kế toán trưởng

  
Trần Thị Lôi  
Người lập biểu

